TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2025/DS-PT
Ngày: 22-5-2025
V/v: " Tranh chấp về quyền thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- *Thư ký phiên tòa*: **Đinh Tiến Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*: bà **Nguyễn Thị Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc:*" Tranh chấp về quyền thừa kế tài sản và yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 535/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Quốc C, sinh năm 1981, địa chỉ: Số G H, phường H, quận T, TP Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1972, cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh Đ: ông Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Hoàng Tú C1, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Bà Lê Hoàng Huy C2, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Hồng C3, sinh năm 1978, địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Lê Hoàng Anh B, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tú C1, bà Huy C2, bà Hồng C3, ông Anh B: Ông Lê Hoàng Quốc C, sinh năm 1981, địa chỉ: Số G H, phường H, quận T, TP Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Ông Bùi H1, sinh năm 1955 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1940 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Bùi Thị Xuân N, địa chỉ: 7 L, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)..

+ Bà Bùi Thị Kim H2 và ông Bùi Hữu X (vắng mặt)..

Cùng địa chỉ: A N, DR great fall VN B, USA (Hoa Kỳ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, ông X: Ông Lê Hoàng Quốc C, sinh năm 1981, địa chỉ: Số G H, phường H, quận T, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị K (sinh năm: 1951, mất ngày 01/3/2013) là mẹ của nguyên đơn ông Lê Hoàng Quốc C. Bà K là con nuôi của cụ Nguyễn C4 (sinh năm:1915, mất ngày 01/12/2010) và cụ Bùi Thị C5 (mất ngày 01/3/1988); cụ C4 cụ C5 không có con nên có nhận bà K làm con nuôi từ khi bà K còn nhỏ. Năm 1954 cụ Nguyễn C4 tập kết ra B có vợ kế là cụ Lê Thị T. Khi còn sống cụ C4 và cụ C5 có tạo dựng được một căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư tại thôn T, xã T, huyện N.

Ngày 7/7/1987, cụ C5, cụ C4 có bán ngôi nhà và toàn bộ cây cối và diện tích đất này cho ông Bùi Đ2 với giá là 140.000 đồng (tương đương với 3,5 chỉ vàng,) sau đó ông Bùi Đ2 giao lại cho con trai là ông Bùi Hoàng toàn Q quản lý sử dụng nhà và diện tích đất này. Năm 1988, cụ C5 qua đời. Năm 1990 bà K có thỏa thuận với ông Bùi Hoàng M lại toàn bộ tài sản trên với giá là 3 chỉ vàng để làm nơi thờ phụng cụ C5. Còn cụ C4 không sống ở ngoài Bắc nữa mà dẫn bà T về xã T sinh sống và ở tại ngôi nhà bà K đã chuộc từ ông Bùi Hoàng . Cụ C4, bà T không có con chung. Năm 2001 bà T chết. Năm 2008, cụ C4 lâm bệnh, bà K là người chăm sóc, đến năm 2010 cụ C4 qua đời; bà K đã thờ cúng cụ C4, cụ C5 trong ngôi nhà này. Năm 2013 bà K qua đời, nguyên đơn cho rằng bà K là người duy nhất được hưởng di sản của cụ C4, nhưng bà K chết nên những người con của bà K được thừa kế tài sản của cụ C4 để lại là nhà và đất thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, tại thôn T, xã T gồm: chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B, anh Lê Hoàng Quốc C. Riêng chồng bà K là ông Lê Hoàng N1 đã ly hôn với bà K nên không có quyền thừa kế. Hiện

nay diện tích đất này chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thế nhưng, tháng 7/2015, bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ đã tự ý tháo dỡ nhà và đổ vật liệu xây dựng để xây dựng ngôi nhà mới để làm nhà thờ cúng cụ C4, cụ C5. Ông Đ cho rằng cụ C4 trước khi chết có để lại di chúc giao lại toàn bộ tài sản là nhà và đất trên cho ông Đ cùng 50.000.000 đồng. Vì nội dung di chúc này cụ C4 ghi thừa kế cho cháu Nguyễn Thanh Đ 02 căn nhà trệt cấp 4, mái ngói nền lót gạch men, vườn một khoảnh diện tích độ 1200 m^2, tiền tiết kiệm gửi ngân hàng 50.000.000 đồng dùng để tu bổ nhà cửa khi xuống cấp, giao cho cháu Nguyễn Thanh H3 một vạt lá dừa độ 250 m^2, một mảnh đất khô trước nhà độ 350 m^2. Nguyên đơn cho rằng bản di chúc của cụ C4 di chúc giao lại toàn bộ tài sản là nhà và đất này cho ông Đ, ông H3 là không đúng vì tài sản là ngôi nhà và thửa đất này không phải là của cụ Nguyễn C4 mà là tài sản của bà Nguyễn Thị K mẹ nguyên đơn. Vì ngày 7/7/1987 cụ C5, cụ C4 đã bán ngôi nhà và diện tích đất này cho ông Bùi Đ2, sau đó ông Bùi Đ2 giao cho con trai là ông Bùi Hoàng toàn Q quản lý sử dụng nhà và diện tích đất này. Năm 1990 bà K có thỏa thuận với ông Bùi Hoàng M lại toàn bộ tài sản trên với giá là 3 chỉ vàng. Ngoài ra, di chúc này không có ngày tháng chỉ ghi năm 2009, nhưng xác nhận của UBND xã T vào năm 2010. Nội dung của di chúc ghi di sản cụ C4 để lại cho ông Đ và ông H3 không có địa chỉ cụ thể rõ ràng cho nên di chúc không đảm bảo theo quy định tại điều 653 Bộ Luật dân sự 2005.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố toàn bộ di chúc do cụ C4 lập ngày 25/01/2010 là vô hiệu và công nhận quyền được thừa kế toàn bộ di sản là nhà và đất nêu trên cho 5 người con của bà K1 là chị Lê Hoàng Cẩm T1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn trình bày ý kiến, ông Nguyễn Tấn H***, ông*** Nguyễn Thanh Đ ***và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông*** Nguyễn Thành Đ1 ***trình bày*****:**

Cụ Nguyễn C4 (sinh năm 1915, chết năm 2010), có vợ cả là cụ Bùi Thị C5 (sinh năm 1915, chết 1988), thường trú tại thôn T, xã T. Do không có con nên ông bà có xin một người con gái nuôi tên là Nguyễn Thị K (sinh năm: 1951, mất ngày 01/3/2013), đến năm 1954 cụ C4 đi tập kết ra B để tiếp tục hoạt động cách mạng, đến năm 1975 ông về quê thì con gái nuôi Nguyễn Thị K đã lập gia đình với anh Lê Hoàng N1 và có nhà ở riêng tại khối D thị trấn N, huyện N, còn ông sống với vợ cả tại nhà ở thôn T, xã T. Đến năm 1987 ông có ý định ra B thăm vợ kế là bà Lê Thị T ở Hà Nội trong thời gian tập kết hoạt động ở đó nên bàn với vợ cả thống nhất bán ngôi nhà cho ông Bùi Đ2 (là anh ruột bà Bùi Thị C5), mục đích là để có người ra vào chăm sóc bà cả và quản lý nhà cửa trong thời gian ông vắng nhà. Đến năm 1988, thì cụ C5 qua đời và ông đưa bà vợ kế là cụ Lê Thị T về quê nhà sinh sống, thời gian này hai vợ chồng ông có ra nhà ông Bùi Đ2 để chuộc lại ngôi nhà đã bán trước đây, từ đó vợ chồng ông xây dựng và mở rộng nâng cấp nhà ở và khu vườn, từ nhà lợp lá dừa, vách ván sang nhà ngói, tường xây, nền gạch men. Đến năm 2001, bà vợ kế lâm bệnh qua đời, từ đó ông sống một mình và thường

xuyên có sự chăm nom của em gái ruột là bà Nguyễn Thị H4 (bà H4 không có chồng con và ở có nhà ở tại khối D, thị trấn N, huyện N). Vào năm 2009, cảm thấy sức khỏe và bệnh tật của ông không thể sống lâu được nữa nên ông đã lập Bản di chúc để lại cho những người thừa kế theo ý nguyện của ông, bản di chúc được chứng thực tại trụ sở UBND xã T vào ngày 25/01/2010 và cũng trong năm 2010 ông đã qua đời ở tuổi 95.

Do ngôi nhà hiện có của cụ C4 xuống cấp trầm trọng, có nguy cơ ngã đổ bất cứ lúc nào nên con cháu trong gia đình thống nhất đóng góp kinh phí để xây dựng một ngôi nhà thờ ngay trên mảnh đất này để đưa bát hương ông bà từ ngôi nhà xuống cấp qua để thờ cúng cho đảm bảo an toàn không lo sợ sụp đổ, từ đó phát sinh tranh chấp về quyền thừa kế tài sản đối với nguyên đơn là ông Lê Hoàng Quốc C (con trai của Nguyễn Thị K).

Mảnh đất mà cụ Nguyễn C4 đang ở có tranh chấp được ông khai hoang tạo lập trước khi đất nước được giải phóng năm 1975. Khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ về đăng ký ruộng đất, do thời gian này cụ C4 ra Bắc thăm bà vợ kế không có ở nhà nên bà vợ cả Bùi Thị C5 đại diện hộ gia đình đứng tên kể khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất 841/2, tờ bản đồ số 4, diện tích 815 m^2, loại đất thổ cư, đến năm 1994 thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ về giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, cụ Nguyễn C4 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư. Đối với Giấy CNQSD đất và giấy bán nhà mà cụ C4 đã chuộc lại đã bị thất lạc vào những ngày cuối trong lúc ông lâm bệnh nặng và sắp qua đời khi con gái nuôi K trực tiếp chăm sóc cho ông.

Từ khi bà vợ cả (cụ C5) qua đời cụ C4 đã ở và sử dụng liên tục trên mảnh đất này, bỏ tiền ra đầu tư xây dựng nâng cấp, sửa chữa lại toàn bộ ngôi nhà nhiều lần cho đến khi ông qua đời và mãi cho đến khi con gái nuôi (Nguyễn Thị K) qua đời là trên 30 năm nhưng chưa có một ai tranh chấp, khiếu nại, chỉ đến khi con trai bà K là ông C tìm thấy giấy bán nhà do mẹ ông cất giữ khi lấy được của cụ Nguyễn C4 lúc ông vừa qua đời thì mới nảy sinh tranh chấp.

Vì cụ C4 là một lão thành cách mạng tập kết ra B, do ở ngoài Bắc trong thời gian dài, ông đã được Nhà nước cấp cho một căn nhà để ở tại Hà Nội, nhưng trước khi ông bà về quê sinh sống ông đã trả lại ngôi nhà trên cho Nhà nước để về chuộc lại ngôi nhà nơi chôn nhau cắt rốn chốn quê nhà để an cư sống tuổi già bên bà con, dòng họ tổ tiên của mình, suốt cuộc đời ông là người liêm chính, ngay thẳng, không màng vụ lợi tư riêng, với con người như thế không thể nói rằng ngôi nhà này nếu đã bán mà chưa chuộc lại thì ông không thể viết di chúc để lại thừa kế cho người khác được, trong khi đó trước đây thực hiện chính sách đãi ngộ đối với người có với cách mạng, ông bà đã được Nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng (50 triệu/người) về chế độ cải thiện nhà ở, chứ không phải ông không có tiền để chuộc nhà mà ở nhà đã bán cho người khác.

Khi mới khởi kiện tại Tòa án huyện N, bên nguyên đơn cho rằng di chúc mà cụ C4 để lại là giả, không phải chữ ký của cụ Nguyễn C4 nên Tòa án nhân dân huyện Núi Thành trưng cầu giám định chữ ký tại Phân viện khoa học hình sự tại

Đà Nẵng với kết quả giám định là chữ ký trên bản di chúc không phải là chữ ký của cụ Nguyễn Cừu .1 Vì cho rằng kết quả giám định trên là chưa khách quan, minh bạch nên phía bị đơn có đơn yêu cầu trưng cầu giám định lại chữ ký của cụ Nguyễn C4 tại V thuộc T3, ngày 19/7/2018 V có kết quả giám định tại văn bản số 80/C54-P5 với kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn C4 dưới mục "Người làm di chúc" trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của cụ Nguyễn C4 trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Do đó, bị đơn cho rằng yêu cầu của nguyên đơn cho rằng di chúc của cụ C4 không hợp pháp là không có cơ sở.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi H1 trình bày:

Tôi gọi bà Bùi Thị C5 là cô ruột. Trước năm 1975 cụ C5 với cụ C4 không có con nên nhận hai người con nuôi là Nguyễn Thị K và Nguyễn Xuân Đ3, thời gian này Nguyễn Thị K làm ở sở Mỹ, cô C5 làm ruộng tạo dựng được ngôi nhà bằng tường tấp lô mái che bằng lá dừa thời gian đất nước bị chia cắt hai miền nam bắc, cụ C4 tập kết ra B1 và có thêm vợ thứ hai là bà Lê Thị T, ở trong này anh D tham gia hoạt động cách mạng và hy sinh. Sau giải phóng cụ C4 trở về địa phương sinh sống một thời gian thì trở ra B1 sinh sống với bà Lê Thị T, sau đó quay về địa phương sống với cụ C5. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ngày 7/7/1987, cụ C5, cụ C4 có bán ngôi nhà và diện tích đất này cho cha tôi là ông Bùi Đ2 với giá là 140.000 đồng tương đương với 3,5 chỉ vàng, nhưng với điều kiện là để cho cụ C5 và cụ C4 tiếp tục ở đó đến cuối đời. Sau đó, ông Bùi Đ2 giao cho tôi là ông Bùi Hoàng toàn Q quản lý sử dụng nhà và diện tích đất này. Sự việc này các anh em trong gia đình ai cũng thống nhất và không có ý kiến gì. Năm 1988, cụ C5 qua đời. Sau khi cô C5 chết được một năm thì dượng C4 có ý định mua lại căn nhà, lúc đầu tôi không bán vì cụ C5 mới mất nhưng sau đó cụ C4 và bà T và cô K có đến nhà tôi hỏi mua lại thì tôi thống nhất bán nhưng chị K phải chịu trách nhiệm, tôi có nói là cha tôi mua với giá là 3,5 chỉ vàng nên tôi cũng nhượng lại với giá này. Khoảng 2 tháng sau chị K mang tiền lên nhà tôi nhưng tôi không nhận tiền chỉ lấy vàng, nên 2 chị em xuống tiệm V1 để đổi được 2 chỉ vàng nhưng tôi phải bỏ vào giá tiền là 50000 đồng mới đủ mua 2 chỉ vàng sau đó 2 chị em tôi trở về nhà tôi lấy giấy bán nhà trả lại cho chị K. Như vậy chị K2 còn nợ tôi 1,5 chỉ vàng nhưng tôi nói trả cho tôi 1 chỉ vàng nữa thôi, còn 0,5 chỉ vàng còn lại bù vào những khóm tre và cây cối trên đất thì tôi sử dụng sau này cháu nào vào sống phải trả tôi 1 chỉ vàng còn thiếu. Việc nhượng lại nhà tôi không viết giấy gì chỉ trả lại giấy bán nhà cho chị K. Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương trình B2:

Tôi là vợ của ông Bùi Văn C6, con dâu của ông Bùi Đ2 và là chị dâu của ông Bùi Hoàng . Vì là dâu trong nhà nên tôi biết rằng cha tôi ông Bùi Đ2 có mua nhà và đất của cụ Nguyễn C4 và Bùi Thị C5, sau đó cha tôi cho em chồng tôi là ông Bùi Hoàng . Còn việc ông Bùi H1 sử dụng ngôi nhà này như thế nào thì tôi không biết. Ngoài ra bà Nguyễn Thị P không trình bày gì thêm và đề nghị xét xử vắng mặt bà trong các phiên tòa.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 652, 654, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ vào Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của của nguyên đơn tuyên một phần di chúc lập năm 2009 của cụ Nguyễn C4 không có hiệu lực đối với phần di sản để lại cho ông Nguyễn Tấn H là một vạt lá dừa độ 250 m2 và một mảnh đất khô gần vườn trước nhà ở hiện nay độ 350 m2.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu phần di chúc lập năm 2009 của cụ Nguyễn C4 để lại cho ông Nguyễn Thanh Đ là cháu ruột 02 căn nhà trệt, mái ngói, lót gạch men, vườn ở 01 khoảnh diện tích 1.200 m2, tiền gửi tiết kiệm ngân hàng là 50.000.000 đồng tiền dùng vào mục đích tu bổ nhà cửa khi bị xuống cấp bởi phần nội dung di chúc này có hiệu lực.

3/ Bác yêu cầu về công nhận quyền được thừa kế toàn bộ di sản của cụ Nguyễn C4 là nhà và đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m2, loại đất thổ cư tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng Quốc C kháng cáo 1 phần Bản án sơ thẩm đối với nội dung tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm Chấp nhận một phần yêu cầu của của nguyên đơn của ông Lê Hoàng Quốc C là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của TAND tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng Quốc C trong thời hạn, đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nhưng họ đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo thấy:

[2.1] Xét yêu cầu tuyên bố toàn bộ di chúc của cụ Nguyễn C4 lập ngày 25/01/2010 là vô hiệu và công nhận quyền được thừa kế di sản là nhà và đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2 cho các con của bà K là chị Lê Hoàng Cẩm T1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và Lê Hoàng Quốc C thì thấy:

[2.1.1] Xét di chúc lập 25/01/2010 của cụ Nguyễn C4 thì thấy:

Hình thức di chúc: Di chúc ghi năm 2009 không có ngày tháng, có xác nhận của UBND xã T vào ngày 25/01/2010 đây là loại di chúc có chứng thực. Theo kết quả giám định lại chữ ký của V tại Kết luận giám định số 80/C54-P5 thì chữ ký tên Nguyễn C4 dưới mục "Người làm di chúc" trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của cụ Nguyễn C4 trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Nên di chúc này do chính cụ C4 lập, hình thức của di chúc là đảm bảo qui định của pháp luật.

Về nội dung di chúc: Ý nguyện của cụ C4 để lại phần di sản cho ông Nguyễn Thanh Đ là cháu ruột 02 căn nhà trệt, mái ngói, lót gạch men, vườn ở 01 khoảnh diện tích 1.200 m^2, tiền gửi tiết kiệm ngân hàng là 50.000.000 đồng, tiền này mục đích tu bổ nhà cửa khi bị xuống cấp; để lại cho ông Nguyễn Tấn H một vạt lá dừa độ 250 m^2 và một mảnh đất khô gần vườn trước nhà ở hiện nay độ 350 m^2.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì cụ C4 chỉ có duy nhất thửa đất vườn ở là thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư. Trong đó đất ở là 300m^2 đất cây lâu năm là 939m^2, trên đất có ngôi nhà cấp 4 của C4 đã bị hư hỏng, chỉ còn nhà vệ sinh, sân xi măng tường rào cổng ngõ. Do vậy, mặc dù nội dung di chúc của cụ C4 để lại không ghi cụ thể địa chỉ các tài sản, tuy nhiên qua xem xét thẩm định thì cụ C4 chỉ có duy nhất thửa đất vườn ở là thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư, trên đất có ngôi nhà cấp 4 của cụ C4 đã bị hư hỏng, chỉ còn nhà vệ sinh, sân xi măng tường rào cổng ngõ và số tiền 50.000.000 đồng đã được ông Đ dùng vào việc xây dựng nhà thờ mới nên phần nội dung di chúc của cụ C4 để lại cho ông Nguyễn Thanh Đ gồm 02 căn nhà trệt, mái ngói, lót gạch men, vườn ở 01 khoảng diện tích 1.200 m^2, tiền gửi tiết kiệm ngân hàng là 50.000.000 đồng tiền này mục đích tu bổ nhà cửa khi bị xuống cấp có hiệu lực. Đối với nội dung di chúc cụ C4 để lại cho ông Nguyễn Tấn H một vạt lá dừa độ 250 m^2 và một mảnh đất khô gần vườn trước nhà ở hiện nay độ 350 m^2. Các tài sản này cụ C4 không đăng ký quyền sử dụng đất nên phần nội dung này của di chúc không có hiệu lực.

Theo Chứng thư định giá số 395/2024/154/CTTĐG ngày 17/08/2024 của Công ty cổ phần T4 thì thấy: Tài sản của cụ C4 để lại cho ông Nguyễn Thanh Đ gồm:

Về đất: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, có giá là 1.048.914.000 đồng.

Tài sản trên đất: có giá là 6.357.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản cụ C4 để lại là 1.105.271.000 đồng (1.048.914.000 đồng + 6.357.000 đồng+ 50.000.000 đồng.)

Các tài sản khác cụ C4 để lại ông Nguyễn Tấn H gồm một vạt lá dừa độ 250 m^2 và một mảnh đất khô gần vườn trước nhà ở hiện nay độ 350 m^2 không xác định được.

Hiện nay, trên thửa 79 còn có ngôi nhà thờ nhà cấp 4 mới do ông Đ xây dựng có giá 213.597.360 đồng. Theo ông Đ thì ngôi nhà này xây bằng tiền của cụ C4 gồm 50.000.000 đồng cụ C4 để lại theo di chúc và tiền phúng điếu cụ C4 khi cụ C4 qua đời.

[2.1.2] Về nguồn gốc di sản thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư.

Thửa đất này do cụ Nguyễn C4 khai hoang tạo lập trước năm 1975. Khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ về đăng ký ruộng đất bà Bùi Thị C5 đứng tên kể khai đăng ký là thửa đất 84 1/2, tờ bản đồ số 4, diện tích 815 m^2, loại đất thổ cư, đến năm 1994 thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ về giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, cụ Nguyễn C4 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư. Hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặc dù, ngày 7/7/1987 cụ C5, cụ C4 bán ngôi nhà và diện tích đất này cho ông Bùi Đ2 với giá là 140.000 đồng tương đương với 3,5 chỉ vàng, sau đó ông Bùi Đ2 giao cho con trai là ông Bùi Hoàng toàn Q quản lý sử dụng nhà và diện tích đất này. Năm 1987, trước khi cụ C4 ra B thăm vợ kế là bà Lê Thị T ở Hà Nội trong thời gian tập kết hoạt động ở đó nên cụ C5 và cụ C4 thống thất bán ngôi nhà cho ông Bùi Đ2 (anh ruột bà Bùi Thị C5), đến năm 1988 thì cụ C5 qua đời và ông đưa bà vợ kế là bà Lê Thị T về quê nhà sinh sống, thời gian này hai vợ chồng cụ C4, bà T và bà K có ra nhà ông Bùi Đ2 để chuộc lại ngôi nhà đã bán. Phía nguyên đơn và người liên quan là ông Bùi H1 cho rằng số tiền mua 2 chỉ vàng chuộc nhà trong tổng số 3 chỉ vàng là tiền của bà K. Tuy nhiên, theo lời khai của những người làm chứng Dương Minh N2 là thông gia với cụ C4 và các nhân chứng Nguyễn Thị T2, Nguyễn Tấn L xác định chính cụ C4 là người chuộc lại nhà và đất của ông từ ông Bùi Hoàng S khi cụ C4 đã bán cho ông Bùi Đ2 (cha ông Bùi H1) chứ không phải bà K là người chuộc bởi lẽ: Tại thời điểm cụ C4 công bố di chúc này có mặt bà K nhưng bà K không có ý kiến phản đối. Bà K là con gái nuôi khi đó đã có chồng là ông Lê Hoàng N1 và có nhà ở riêng tại khối D thị trấn N, huyện N không ở với cụ C4 nên bà K không liên quan đến nhà và đất này. Năm 1989 là thời điểm chuộc nhà, đến năm 1994 thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, chính cụ Nguyễn C4 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư, sau đó nhà cụ C4 đã tiến hành sửa chữa nhà cửa từ nhà lá dừa thành hai gian nhà ngói nhưng bà K không có ý kiến phản đối gì. Hơn nữa, cụ C4 là một lão thành cách mạng tập kết ra B,

khi về quê sinh sống đã ở và sử dụng liên tục thửa đất này, nếu nhà do bà K chuộc thì ông không thể kê khai đăng ký, sau đó sửa nhà nâng cấp từ nhà xây tường đá tấp lô lợp lá dừa thành hai gian nhà ngói lót gạch men và ở đó, rồi lập di chúc trước khi ông qua đời. Ngoài ra, cụ C4 chết năm 2010, bà K chết sau cụ C4 3 năm (năm 2013) nhưng bà K không hề có ý kiến gì về khối tài sản này. Do đó nguyên đơn cho rằng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2 là tài sản của bà K là không có cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên một phần di chúc lập năm 2009 của cụ Nguyễn C4 không có hiệu lực đối với phần di sản để lại cho ông Nguyễn Tấn H là một vạt lá dừa độ 250 m^2 và một mảnh đất khô gần vườn trước nhà ở hiện nay độ 350 m^2. Vì các tài sản này cụ C4 không đăng ký quyền sử dụng đất, xác định phần di chúc lập năm 2009 của cụ Nguyễn C4 để lại cho ông Nguyễn Thanh Đ 02 căn nhà trệt, mái ngói, lót gạch men, vườn ở 01 khoảnh diện tích 1.200 m^2, tiền gửi tiết kiệm ngân hàng là 50.000.000 đồng vào mục đích tu bổ nhà cửa khi bị xuống cấp không vô hiệu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu về công nhận quyền được thừa kế toàn bộ di sản của cụ Nguyễn C4 là nhà và đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m^2, loại đất thổ cư thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. cho chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C.

[2.2]. Tuy nhiên xét thấy bà K là con duy nhất và sống cùng cụ C4, cụ C5 từ nhỏ, quá trình sinh sống có công sức trong việc giữ gìn, tạo lập, là người có công trong việc chuộc lại nhà đất cho cụ C4, có công chăm sóc, phụng dưỡng các cụ, nên cần trích một phần di sản tương ứng số tiền là 330.000.000 đồng cho bà K để đảm bảo quyền lợi của bà K3 theo quy định của pháp luật cũng như phù hợp với đạo lý, truyền thống của dân tộc. Những người được công nhận hưởng di sản của cụ C4 có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền trên, nhưng do bà K đã chết nên những người thừa kế của bà K được hưởng số tiền này.

[3]. Từ những nhận định trên, cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, trích trả công sức cho bà K, những người thừa kế của bà khiêm chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C sẽ được nhận phần di sản này theo quy định.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Lê Hoàng Quốc C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố dụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng Quốc C, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của của nguyên đơn tuyên một phần di chúc lập năm 2009 của cụ Nguyễn C4 không có hiệu lực đối với phần di sản để lại cho ông Nguyễn Tấn H là một vạt lá dừa độ 250 m2 và một mảnh đất khô gần vườn trước nhà ở hiện nay độ 350 m2.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu phần di chúc lập năm 2009 của cụ Nguyễn C4 để lại cho ông Nguyễn Thanh Đ là cháu ruột 02 căn nhà trệt, mái ngói, lót gạch men, vườn ở 01 khoảnh diện tích 1.200 m2, tiền gửi tiết kiệm ngân hàng là 50.000.000 đồng tiền dùng vào mục đích tu bổ nhà cửa khi bị xuống cấp là bởi phần nội dung di chúc này có hiệu lực.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền được thừa kế toàn bộ di sản của cụ Nguyễn C4 là nhà và đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.239m2, loại đất thổ cư tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C.

4/ Chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C được nhận phần công sức của bà Nguyễn Thị K được hưởng từ di sản của cụ Nguyễn C4 để lại là 330.000.000 đồng.

5/ Ông Nguyễn Thanh Đ hưởng di sản theo di chúc và phải trả cho chị Lê Hoàng Tú C1, chị Lê Hoàng Huy C2, chị Lê Thị Hồng C3, anh Lê Hoàng Anh B và anh Lê Hoàng Quốc C 330.000.000 đồng.

6/ Về án phí: ông Lê Hoàng Quốc C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai số 0000208 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

7/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hợp